

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và sử dụng kinh phí hỗ trợ  
sản xuất, bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Phú Thọ**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ  
KHOÁ XIX, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ BẢY**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm  
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm  
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một  
số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Các  
tổ chức tín dụng ngày 29 tháng 6 năm 2024;*

*Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của  
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính  
phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa;*

*Xét Tờ trình số 674/TTr-UBND ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban  
nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân  
tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định cụ thể nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ  
và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ sản xuất, bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh  
Phú Thọ.

**2. Đối tượng áp dụng**



Cơ quan nhà nước; người sử dụng đất trồng lúa và các đối tượng khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

**Điều 2. Nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và sử dụng kinh phí hỗ trợ sản xuất, bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Phú Thọ**

**1. Nguyên tắc hỗ trợ**

a) Đảm bảo đúng theo quy định hiện hành của Trung ương, phù hợp với đặc điểm, tình hình các chính sách, chương trình, đề án, kế hoạch trong lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn đang triển khai thực hiện ở các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh;

b) Đảm bảo tính khả thi, chủ động khi triển khai thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ sản xuất, bảo vệ đất trồng lúa ở các cấp;

c) Trong cùng thời gian, nội dung có nhiều chính sách hỗ trợ khác nhau thì đối tượng thụ hưởng chỉ được lựa chọn áp dụng một chính sách hỗ trợ.

**2. Phạm vi hỗ trợ**

Nguồn kinh phí hỗ trợ bao gồm: Kinh phí do người được nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa phải nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 12 và nguồn kinh phí ngân sách trung ương hỗ trợ sản xuất lúa cho ngân sách địa phương theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ (sau đây viết tắt là Nghị định số 112/2024/NĐ-CP) được phân bổ cho cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và hỗ trợ các địa phương (có đất trồng lúa) thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ sản xuất, bảo vệ đất trồng lúa.

**3. Định mức hỗ trợ**

a) Đối với nguồn kinh phí do người được nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa phải nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP: Hỗ trợ 100% cho các huyện, thành, thị tương ứng với số thu nộp vào ngân sách nhà nước của khoản kinh phí này phát sinh trên địa bàn cấp huyện.

b) Đối với nguồn kinh phí ngân sách trung ương hỗ trợ sản xuất lúa cho ngân sách địa phương tại điểm a, b khoản 1 Điều 14 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP:

Phân bổ kinh phí hỗ trợ cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh đảm bảo không quá 30% nguồn kinh phí ngân sách trung ương hỗ trợ sản xuất lúa cho ngân sách địa phương để thực hiện các hoạt động theo quy định cùng thời điểm giao dự toán ngân sách địa phương hằng năm.

Phần còn lại để phân bổ cho các huyện, thành, thị được tính toán bình quân theo diện tích đất trồng lúa trên từng địa bàn cấp huyện (số liệu thống kê đất đai được Ủy ban nhân dân tỉnh công bố, ban hành theo quy định).

c) Đối với nguồn kinh phí ngân sách trung ương hỗ trợ sản xuất lúa cho ngân sách địa phương tại điểm c khoản 1 Điều 14 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP: Hỗ trợ 100% cho các huyện, thành, thị có vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao theo diện tích được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

#### 4. Sử dụng kinh phí hỗ trợ

Nguồn kinh phí phân bổ cho các cơ quan, đơn vị theo định mức tại khoản 3 Điều này được sử dụng cho các hoạt động quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

**Điều 3. Bãi bỏ Nghị quyết số 04/2020/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Thọ**

#### Điều 4. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết đảm bảo đúng các quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ Khoá XIX, Kỳ họp chuyên đề thứ Bảy thông qua ngày 21 tháng 02 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 3 năm 2025. /.

#### Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- UBND, UBND;
- Vụ Pháp chế (Bộ Tài chính);
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Công TTĐT Chính phủ;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TAND, VKSND, Cục THADS tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- CVP, các PCVP;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- TT Công báo - Tin học (Văn phòng UBND tỉnh);
- Lưu: VT, Phòng CTHĐ.

**CHỦ TỊCH**

**Bùi Minh Châu**